

Ý NGHĨA HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI HUỖN THOẠI TRONG MỘT SỐ TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Thị Kim Tiến

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

TÓM TẮT: Trên thực tế đời sống phức tạp của con người luôn là chiều bí ẩn song cùng chúng ta không thể giải thích bằng đầu óc duy lý thông thường. Sự hiện hữu con người huyền thoại cũng dựa trên tiêu chí thực ảo đã được các nhà văn thâm nhập vào văn học. Việc nhà văn xây dựng con người huyền thoại theo chúng tôi đã làm thành hai mục đích phản ánh qua tiểu thuyết. Một là mở ra khả năng nhận thức những điều bí ẩn ở con người. Hai là cho thấy sự khao khát hòa nhập một cuộc sống bình dị.

Từ khóa: tiểu thuyết Việt Nam đương đại, hình tượng con người huyền thoại.

Dựa vào lần ranh miêu tả nhân vật, chúng tôi nhận thấy con đường chiếm lĩnh hiện thực được tác giả tiểu thuyết sử dụng cả lăng kính ảo để lý giải. Trên thực tế đời sống phức tạp của con người luôn là chiều bí ẩn song cùng chúng ta không thể giải thích bằng đầu óc duy lý thông thường. Sự hiện hữu con người huyền thoại cũng dựa trên tiêu chí thực ảo đã được các nhà văn thâm nhập vào văn học.

Đời sống con người là một bản thể không ai có thể nắm bắt hết được cái vô cùng bên trong nó. Trong đời sống hiện thực, cái phi lý dị thường, sẽ trở thành cái bình thường mà người ta đương nhiên hoặc buộc phải chấp nhận. Việc xuất hiện những hiện tượng lạ lùng, hư hư thực thực thậm chí kỳ quái cũng là một góc khuất trong nhận thức của con người. Con người là những mảnh puzzle ghép lại cần được hiện thực giải mã. Thế cho nên gắn tính chất “kỳ ảo” trong con người mục đích là để chúng ta nhận diện một vấn đề văn học hiện nay. Ở mỗi cá thể người đều ẩn chứa tính chất “trong ảo có lý, trong kỳ có tình” (Ngô Thánh Tích),

đôi khi không phải ai cũng lấy thước đo lý trí giải thích, cắt nghĩa nổi.

1. MỞ RA KHẢ NĂNG NHẬN THỨC NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN Ở CON NGƯỜI

Quan niệm trước đây theo quan điểm duy vật thô sơ không công nhận thế giới linh hồn. Dần dà với sự phát triển của thế giới tôn giáo đã thừa nhận trong cuộc sống hiện diện hai thế giới, một thế giới thực (chúng ta đang sống, hưởng thụ) và một thế giới ảo (của linh hồn ẩn sâu vào bên trong). Xuất phát từ quan niệm về con người, cuộc sống thay đổi, đa chiều hôm nay, trong đó thừa nhận có sự tồn tại của thế giới linh hồn, càng ngày người ta càng tin vào thế giới ảo đó.

1.1. Nếu văn học hiện thực chủ nghĩa thế kỷ XIX và đầu XX chủ trương mô tả thực tại bằng tấm gương soi xác thực thì đến nửa sau thế kỷ XX, văn học thế giới đã chứng minh xu hướng huyền thoại là một nét đặc thù ngay từ việc các nhà văn sử dụng kiểu cốt truyện và hình tượng đậm màu sắc huyền thoại. Những

nhà văn lớn như J. Joyce, F. Kafka, G.G. Mocket. J. Amado đã thực sự đóng góp vào nền văn học thế giới những nhân vật được bước ra từ trang sách của huyền thoại. Những nhân vật đó tưởng hoang đường nhưng lại không bị đánh mất đi tính chân thực, mang theo những điều kỳ lạ của thế giới con người nhưng vẫn hợp với logic đời sống.

Xuất hiện vào giai đoạn văn được coi là cao trào của văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới, *Trong sương hồng hiện ra*⁷ của Hồ Anh Thái dựng nên một nhân vật đầy chất huyền tưởng. Tân, chàng trai trẻ trong cơn hôn mê cận kề cái chết do bị điện giật tự nhiên được ngược thời gian khi anh ta chưa ra đời cách đây hai mươi năm (1967) để được trải nghiệm, chứng kiến tháng năm quá khứ của bà nội, bà ngoại, cha mẹ và những người hàng xóm trong bối cảnh những năm Hà Nội đang cơn chiến tranh bom đạn. Đối chiếu nhân vật kiểu thời gian hai chiều (hiện tại ← quá khứ) để cậu trai 17 tuổi tự nhìn được quá khứ của những người thân, từ đó nhận ra thái độ sống cho riêng mình. Trong thế giới tiềm thức đó, Tân được đắm mình, trở thành một phần của cuộc sống quá khứ chính là thể hiện nhu cầu “thế hệ trẻ luôn khao khát nhìn xuyên qua màn sương của huyền thoại anh hùng và quyền uy bao phủ lên thế hệ chiến tranh, không phải nhằm bóc trần mà để xem xét nguồn cội của họ một cách rõ ràng” (Wayne Karlin). Tân ở thời điểm này vẫn là con người thực nhưng tâm hồn lại đang “mộng du” theo các chiều kích của thời gian quá khứ. Qua yếu tố ảo Tân đang như một nhân vật ngồi trên tấm thảm thần chiếu con mắt trong veo của cậu thanh niên đang đi tìm câu trả lời đầy triết luận

của thế hệ trẻ về thái độ, cái nhìn đối với quá khứ.

Cô Thống Biệu trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*¹⁰, như Trần Thị Mai Nhân gọi, đó là kiểu nhân vật “thầy mo”. Cô xuất hiện trong cái làng Giếng Chùa theo một thứ tín ngưỡng cầu thần trừ tà, cho nên ai cũng tôn cô như một vị thánh trong làng nổi đời sống thực với thế giới tâm linh. “Với bộ mặt nhỏ và nhọn như mặt chim, nước da mai má, cá mép và cằm nhẵn thín không một sợi râu, nên nhìn cô không thể nào đoán được tuổi” (tr.14), là một người vừa giỏi việc âm, vừa tài việc dương. Trong cái làng này ma chết càng ngày sinh ra càng nhiều, người làng chùa họ sợ ma chết quấy quả nên họ phải cầu đến cô Thống Biệu làm phép trừ tà đuổi ma. Chỉ cô mới là người có sức phản kháng đối với các thế lực hắc ám đe dọa con người cho nên cô trở thành “biểu tượng tinh thần, người phát ngôn cho những thế lực siêu phàm ở xóm chùa” (tr.422). Họ xem cô là chỗ dựa chính bởi họ tin vào niềm tin tâm linh, tin vào khả năng nắm được những tà phép của quỷ thần ở cô Thống Biệu giúp họ thoát khỏi ma chết.

Thế nhưng, ma người, ma sống nhiều quá trong cái làng này khiến cô Thống Biệu mất đi cái uy nghiêm của mình, từ đây như lời cô nói, “làng này đã đến lúc cái vượng, cái nghịch hiện lên hết đây!” (tr.324). Cô thấy mình bất lực với đời, các vị thần cho cô cái phép nói chuyện với họ đến lúc phải trả về cho họ từ cái bát chân hương. Thứ bùa ngải của cô chỉ giải được cho con người niềm tin tín ngưỡng về một lực lượng siêu nhiên chứ không trị nổi thứ ma

sống. Vì vậy, người như là thánh đó cũng bắt lực trước những con ma sống cho nên cô ra đi để được “hiển thánh” trong cõi âm thật, không tồn tại ở cái dương gian đầy rẫy âm hồn ma sống này được.

Con người ấy có khi rất tinh, có khi lại bí ẩn, lơ lửng như hoàn toàn thuộc về cõi trên chính là đại diện cho thế giới bên trong con người luôn ở ranh giới mơ và thực. Hai ranh giới đã giúp con người nhận ra “sự không trùng khít với chính mình”. Con người này cũng giống như ông họ Hiếu trong *Mẫu thượng ngàn*⁵. Dân làng Cổ Đình người ta gọi ông là thầy phù thủy. Một lần bị sét đánh ở khu rừng già gần núi Đùng, ông không những không chết mà còn thành một người có khả năng dùng đôi bàn tay không chữa bách bệnh cho dân, đặc biệt những lúc bị thánh ớp, sự tinh diệu thần kỳ trong việc chữa bệnh của ông lại càng cao. Cha Colombert đã nói: “Đôi bàn tay ông có một năng lực, tức là Chúa phù chú cho đôi bàn tay ấy một năng lượng bí ẩn... Việc bùa phép chỉ là hình thức gây tin tưởng cho bệnh nhân” (tr.215). Nhưng cái cách ông họ Hiếu chữa bệnh diên cho Pierre đã buộc cho cha đành chấp nhận một cách lý giải có phần siêu hình. Đó là bởi “người dân ở xứ này tin rằng mỗi vùng địa lý đều có thần riêng của nó: đó là Hồn đất” (tr.215). Với những conquistador cách ông họ Hiếu làm thực lạ lùng, nhưng với tư duy người Việt đó có khi lại là điều thiêng và họ tin. Chính bởi vậy người trong làng tôn ông như một người “hộ pháp” tinh thần cho người dân làng Cổ Đình. Một con người bình thường bỗng chốc được làng nể và sợ. Cụ họ Hiếu

chưa bao giờ làm sư hoặc làm phù thủy, lại làm được việc nhà chùa, không học nghề thuốc nhưng lại chữa bệnh cho dân làng rất công hiệu. Phải chăng cụ chính là truyền nhân của vị bồ tát (ông Ác được thờ trong chùa của làng)? Người dân thôn dẹt về ông những điều lạ như một sự tôn sùng. Nhưng đằng sau mỗi lần “tinh” không bị thánh ớp, ông họ Hiếu cũng là con người bình thường. Có lòng thương cảm, ít nói, có cảm xúc của người trần mắt thịt. Bởi vậy, lễ sinh từ tuần hoàn cũng không trừ ông ra. Cả đời ông sống như một vị thánh trong mắt mọi người cho nên thương mụ Pháo, có với mụ mụ con cũng không dám ở với nhau, chỉ tại cái “tiếng nói của thần Phật” nó ứng vào ông. Ông phải (và đã) là người của các Ngài, chịu sự sai khiến của các Ngài. Thứ ma lực ấy dần lấy đi tinh thần của ông, báo cho ông biết các Ngài ban cho đôi bàn tay vàng có quyền năng nay đã đến lúc khả năng kỳ lạ đang đi đến ngày tàn. Khi sức tàn lực kiệt, lão họ Hiếu chỉ đau đầu nhất về đứa con gái của ông - cái kết quả đáng trân trọng nhất của phần con người thường trong ông. Cả một đời đương đầu với lũ ma quỷ, ông hiến thân mình dưới pho tượng hộ pháp dù ông biết nghề phù thủy bạc bẽo lắm. Nhưng ông không sợ, ông chỉ thương cho Hoa con gái ông vì không lo chu tất được cho cô như tâm nguyện của mình. Cái thế giới thiêng của ông chỉ giúp được kẻ có bệnh chứ không cứu được cả kiếp định mệnh của con người. Sự ra đi của ông chính là cách duy nhất ông cứu thoát con mình trốn khỏi kiếp mờ. Và như Hoa hiểu đó là nỗi ước ao cháy bỏng của cả cha và mẹ cô. Trong thế giới thiêng ông họ Hiếu làm thành đã khác, làm một người bình thường, là

một người cha đúng nghĩa với đứa con gái yêu càng khó hơn gấp bội lần.

Khi tiểu thuyết đi sâu vào khám phá thân phận con người đời tư, các tiểu thuyết gia là những người có tài nhạy cảm khi biết cách “chạm vào từng sợi tơ đàn ẩn ngầm của từng số phận con người” (Nguyễn Xuân Khánh) ở bên trong được bao bọc bởi một thế giới xa xôi, mờ ảo hư thực tưởng như rất siêu nhiên, đầy huyền hoặc. Điều này cho thấy trí tưởng tượng của nhà văn được giải phóng khỏi những quan niệm hiện thực truyền thống khi tạo ra các nhân vật nửa hư nửa thực để phản ánh một phần nằm trong bản chất tự nhiên của đời sống con người.

1.2. Trên thực tế, việc biểu hiện con người mang dáng dấp huyền thoại đã được văn học trước (đặc biệt là văn học Việt Nam trung đại) thể hiện chủ yếu qua các hồn ma. Những hồn ma có thể hóa kiếp rồi có mối kỳ duyên với người. Những con người đó thực sự hư huyền hoang đường mang tính chất truyền kỳ (kiểu như *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ) phản ánh quan niệm tâm linh của người Việt. Nay trong tiểu thuyết thời kỳ đổi mới, nhiều nhà văn có ý thức tạo ra sự nhập nhòa giữa hư và thực, giữa cõi trần và cõi âm, ma và người... để khám phá hiện thực trong sự sâu thẳm của nó, bóc trần cái mặt tảng sâu vô thức của con người. Đó là câu chuyện về một người lính (*Nỗi buồn chiến tranh*) khi chết được bó trong một tấm tạng tuy xương cốt hóa mùn, nhưng cây đàn ghi ta của anh vẫn còn nguyên vẹn. Đêm đêm người ta vẫn nghe thấy tiếng hát của người lính vô danh vọng lên từ cánh rừng đại

ngàn. Phần xác anh chết nhưng phần hồn vẫn văng lên tiếng ca bất tận về cuộc đời. Cũng như Phương (*Tàn đên đóm đờ*⁹) một người lính trong truyện hiện diện không rõ mặt, vóc hình lại đang sống và kể câu chuyện của mình trong cái lột của một “linh hồn chết”. Ở cái thế giới đã chết của Phương nơi cái hang Dơi là câu chuyện của anh với đồng đội, đặc biệt hiện diện lên trong đó những khát khao bất thành của Phương nếu anh được sống trở về. Khoác trên mình phận một vong hồn, Phạm Ngọc Tiến để cho Phương được bạch bạch những tâm nguyện, có khi còn nói hộ cho những vong hồn khác đã nằm lại nơi nào đó trên đất nước này mà chưa kịp thấy hòa bình. Những linh hồn liệt sĩ nhìn thông bốn cõi nhưng chẳng cõi nào biết đến mình. Một linh hồn không hiện diện ở đời thực như Phương chỉ thương tiếc rằng “mẹ tôi, em tôi những người thân của tôi đang mong đợi tôi trở về” (tr.473), chừng nào con chim liều điều còn hót vang chừng đó tiếng hát từ cõi hồn anh sẽ đưa anh trở về với họ. Sự trở về của Phương khi chiến tranh kết thúc trong một thể xác khác, bình yên trú ngụ vào trái tim của những người thân. Thế giới linh hồn Phương không còn là ảo giác mà trở thành tiếng nói thiết tha rất thực được cất lên từ cõi âm, là tiếng lòng, tiếng vọng sâu thẳm của những liệt sĩ gửi đến cõi dương.

Những con người này tồn tại những công năng riêng biệt trong cõi mộng lung. Cõi mộng lung ấy bên ngoài có vẻ ảo nhưng chính lại là tiếng nói một phần của mảnh bên trong cõi lòng mình. Thế giới bên trong đó không ai giải thích một cách rạch ròi bằng năng lượng của

khoa học chỉ có thể lý giải theo cách của từng cá nhân trong cuộc đã tự mình chứng kiến, trải nghiệm.

2. KHAO KHÁT HÒA NHẬP MỘT CUỘC SỐNG BÌNH DỊ

Bằng khả năng hư cấu tưởng tượng và sức sáng tạo dồi dào, yếu tố huyền thoại ở con người đã cho người đọc thấy được bức tranh cuộc sống muôn màu. Và ở trong cõi miền sâu thẳm con người vẫn còn những điều sâu xa bí ẩn của cái hư và cái thực. Điểm khiến con người huyền thoại không còn là ảo, phi lý chính bởi sự khao khát cuộc sống bình thường nơi họ.

2.1. Một trong những cách tiếp cận con người từ nhiều tọa độ đó là các nhà văn đã “khéo” bình thường hóa những điều kỳ lạ, phá bỏ khoảng cách giữa bình thường và dị biệt để cái không bình thường dễ dàng trở thành cái thường nhật. Đây cũng là yếu tố khiến những con người huyền thoại không kỳ ảo, xa lạ hoàn toàn trong thế giới người mà vẫn là “cái sự thực ở đời”. Đầu tiên phải kể đến những nhân vật xuất hiện trong *Thiên sứ*⁴ của Phạm Thị Hoài. Bé Hon là một thiên sứ pha lê xuất hiện trong tác phẩm với chức năng cứu rỗi. Sự ra đời của bé tựa như chuyện thần kỳ, “cả dây quần áo nhà phơi bị quên đem qua ngoài trời” và bộ đồ lót của mẹ “loang lổ vết tưa tựa như chàm” và “không lâu sau, mẹ mang thai” (4). Việc ghé đến trần gian của bé Hon lạ từ khi cậu lọt lòng đã không chịu cất tiếng khóc mà mỉm cười. Bé cười với mười ba nữ hộ sinh, rồi cười với bố. Bé ăn ít, ngủ ít, chỉ cười. Cái nụ cười

như một thứ tài sản vô giá duy nhất mà bé Hon có để trao tặng cho người trần. Vì thế, hễ cứ tinh dậy bé lại hào phóng ban phát nụ cười mê hồn cho muôn vật. Nhưng ở cái thế giới gia đình nhỏ này, bố, mẹ, anh chị, đang mãi đối mặt với đời sống cùng khổ, tù túng khiến con người rệu rạo buộc họ phải thay tiếng cười bằng sự phiền muộn, lời rủa gắt. Nhưng với thế giới của bé Hon, bé chỉ biết khả năng duy nhất là ban phát nụ cười và môi hôn, đã trở thành sự khó chịu, hờ hững của mọi người. Sự ra đi của sứ giả tình yêu mong muốn đem những điều an lành hạnh phúc đến cho đồng loại chẳng được ai để mắt đến. Bé đi để tìm đến nơi người ta cần và muốn nhận đủ nụ cười và môi hôn ở đời, nhưng không quên gửi lại một niềm hy vọng, “quan tài trống không, thơm tho sạch sẽ, động duy nhất nụ cười làm thân với muôn vật của thiên sứ pha lê” (4). Chính “nhân loại giết chết thiên sứ, có thể họ chối bỏ thiên đường, cũng có thể vì họ không còn tồn tại khái niệm thiên sứ” (2, tr.273). Liệu đến lúc nào đó những kẻ ở lại của thế giới này sẽ quay trở về với “chính phần gốc rễ nguyên sơ thánh thiện nhân bản trong sâu thẳm tâm hồn mình” (6, tr.254), giống như cái khát khao cái đẹp nhân bản, trong trắng muốn cứu rỗi nhân loại, muốn thức dậy trong mỗi con người tình yêu của bé Hon!?

Bé Hon muốn là một thiên sứ pha lê nhưng thiên sứ đã bị trục xuất ra khỏi giới hạn của những Homo Z. Duy chỉ có bé Hoài, vẫn “bám tựa” vào để nhận rõ quá trình Homo Z của xã hội hiện đại. Giải pháp Hoài chọn để đối chọi nhưng cũng để tồn tại trong lòng xã hội này là tự mình “đình tăng trưởng” ở tuổi 14, vẫn một

mét hai mươi nhăm, ba mươi kg, đuôi sam. Có như vậy cô mới không hòa nhập vào thế giới người lớn, lại có thể quan sát được cuộc sống xung quanh. Sự từ chối không chịu lớn của Hoài chính để từ chối những giả trá của người lớn mà cô đã rút ra ngay trong cuộc sống gia đình mình, mọi người thân chỉ làm những cử chỉ và ngôn ngữ mà họ đã sử dụng như một cái máy. Hoài chưa từng biết mùi vị cái hôn của mẹ, nơi cuộc sống với những “mái lờ và chân ghé long” (4) xâu xé không có chỗ dành cho những cái hôn. Hoài lớn lên và khát khao âu yếm nhưng cô lại “phải lãnh tất cả những gì cặn lại sau bao nhiêu hoài vọng không đến nơi, khát khao không tới đích, dục vọng không được giải phóng của người đời” (4). Nhưng Hoài không vì sự khác biệt với mọi người mà cô bé trở nên chai cứng, vô cảm với đời. Ngược lại, cô muốn được giao cảm được giải bày, sẽ chia bởi cô biết mặc cảm, biết bao dung, cảm thông với những khờ dại trên đường tìm kiếm hạnh phúc của những người xung quanh là như thế nào.

Nếu bé Hon là mầm sống tự do bị giam trong cũi, trong lồng lấy nụ cười và môi hôn để chiến thắng cái ác thì bé Hoài là “con sót vị thành niên thêm đập phá, khao khát tự do, chống lại xã hội hẹp hòi, tù túng, chống lại giả tạo, hủ lậu và đàn áp tư tưởng” (4). Suy cho cùng, cả bé Hon và Hoài đều là nạn nhân của những con người nguy trang, chỉ biết chạy theo đồng tiền, hai từ uy tín và danh dự thấy đều quá trừu tượng đối với thế giới con người chỉ còn là những công thức chết, hành động theo nguyên tắc máy móc đã được lập trình.

2.2. Sự xuất hiện và ra đi một cách dị thường của bé Hon đã góp phần gợi nên một “ý niệm” về thân phận con người. Thiên sứ xuất hiện để mong có thể cải tạo, thay đổi con người và thế giới. Nhưng thiên sứ bé Hon không đủ sức mạnh để đấu tranh lại những “cỗ máy tâm hồn”, người đành phải ra đi để hy vọng có thể cảnh tỉnh con người: hãy giữ cái đẹp, tình yêu, sự thân ái và khát vọng hòa bình. Thông điệp và khát vọng này cũng là điều mà nhà văn Tạ Duy Anh đã tạo nên sự xuất hiện nhân vật bào thai trong 72 giờ đấu tranh để “chui ra” làm người đã kể cho người đọc những câu chuyện cay đắng, chua chát của cuộc đời con người mà “cu cậu” được lắng nghe. Xem chừng cái sinh linh bé nhỏ trong bụng người mẹ kia đã có một “thần giao cách cảm” để kinh sợ hiện thực tàn khốc - cái hiện thực mà sắp sửa sẽ có nó tồn tại, cùng thờ, cùng hòa nhịp trong đó. Tạ Duy Anh đã sáng tạo nên một bào thai biết nói, biết suy xét có thể là một mạch ngầm ẩn dụ về thân phận con người. Cũng như cô bé Giang Tâm (*Lão Khô*) ở giữa cuộc sống lấy lợi của làng Đồng suốt đời chỉ ăn hoa, đặt mình lạc hẳn khỏi những dòng đời xô bồ, xáo trộn để cơ thể cô như một đóa hoa sen trong suốt tỏa hương thơm ngào ngạt mà không một thế lực đen tối nào có thể hủy hoại. Thế giới cái ác dữ dội quá nhưng cả Giang Tâm và cái bào thai chấp nhận tiếp tục sống ngoan cường, tranh đấu đến cùng để tận hưởng cuộc sống, “cuộc sống không thể dừng lại. Nó phải được tiếp tục, mạnh mẽ, tươi đẹp, đầy ý nghĩa” (1, tr.361). Những lời nói của bà mẹ khiến “tôi” bào thai nhận thấy thế giới bên ngoài vẫn cần những thiên thần biết sống, biết “biến mỗi khoảnh khắc sống thành hy

vọng” (1, tr.360), vì “sự sống là đức hạnh mỗi người sẽ đem theo khi trở về” (1, tr.360). Đó mới là điều mà bào thai muốn thấy trong cuộc đời để khi nó thành con người thực sự sẽ đủ sức thách thức đương đầu với bóng tối, cái ác và cái chết.

Điều này cũng giống như cô gái Mai Trùng trong *Cõi người rung chuông tận thế*⁸. Đặt truyện vào hai thế đối cực cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn để dựng nên “cuộc đời như những mảnh vỡ” (Nguyễn Đăng Điệp), Mai Trùng như một làn gió mảnh thoát hiện lại mang một sứ mệnh nặng nề, đúng hơn là từ một lời nguyện, tuyệt trừ những kẻ muốn gây điều ác. Trong đám trai tơ Cốc, Bóp, Phũ, những điển hình cho lối sống cực kỳ vị kỷ của dục vọng tới mức bệnh hoạn thì Mai Trùng với việc xây dựng những nét kỳ ảo hoang đường, nhà văn cho thấy một Mai Trùng nhân hậu khát khao yêu thương. Trong thế giới của cô, cô không dám nghĩ mình có một công năng khác thường khi ai đó đang có ý định làm điều ác đối với cô đều phải nhận lấy một hậu quả là cái chết. Xã hội với cái ác tràn lan nhưng Mai Trùng luôn sợ và không muốn mình là một người bất thường trong mắt mọi người. Cô chỉ muốn mình là một người bình thường, chấp nhận rủi ro để được yêu thương vì cô nhận ra rằng cuộc sống này vẫn đầy nhân ái khi trong mỗi con người gạt đi sự ích kỷ, dục vọng, trụy lạc... ắt sẽ tìm đến được chân trời của cái thiện.

Cuộc sống luôn tồn tại những điều bí ẩn, khó lý giải nhưng vẫn được xã hội chấp nhận như một phần của sự sống con người. Cô bé Nguyễn Thị Thương Oí ngay khi mới lọt lòng

đã có những nét khác lạ. “Tràng hoa quần cổ. Màu cứt xu trắng như sữa. Mùi nước đá thơm lừng hương quế và nhất là mái tóc đen dài óng ả tuôn chảy như suối rừng” (3, tr.210). Khi được sinh ra cô cũng đã bị câm, nhưng cô có một năng lực rất kỳ lạ, chỉ cần ngồi đối diện rồi mở to đôi mắt thiên sứ, chăm chăm nhìn vào mắt người nào đó là cô có thể đọc được những ý nghĩ đang chạy nhoáng nhoàng trong óc người đó” (3, tr.210). Một cô gái lẽ ra sinh ra phải được yêu thương, nhưng tạo hóa đã cướp đi của cô hết thảy (cha mẹ, mọi người xung quanh xa lánh) nhưng cô vẫn mảnh mai chống chọi với cuộc đời. Giống như Mai Trùng, cô tựa như một thiên sứ, ai động vào cô với ý muốn đen tối nhục dục ngay lập tức sẽ gặp những tai ương nhưng với cô, cô vẫn cần lắm những vòng tay yêu thương, chia sẻ như cái tên nguyên sơ của mình: Thương Oí. Nói như Nguyễn Đình Chính, “hình như tất cả các người đàn bà và nhất là các cô gái trẻ ở trên thế gian này đều có thiên sứ ẩn náu trong tâm hồn họ” (3, tr.417). Đó không chỉ là Mai Trùng, Thương Oí mà cả chàng cá Bơn, thằn Cá đều chỉ muốn là con người khát khao sống được nâng niu, yêu thương. Giống như câu chuyện của Nữ thần Đồng Trinh, Savitri được tìm thấy lúc 6 tuổi để trở thành một Kumari Hoàng gia. Trải qua những thử thách nàng được tôn xưng như một nữ thần bằng xương bằng thịt, hiện thân trên cõi trần, hiện diện để bảo hộ cho cuộc đời trần thế. Hiện tại cô là một con người bình thường với nghề hướng dẫn viên du lịch mà cô gọi đó là nghề kể chuyện. Sứ mệnh của một vị nữ thần trước đây đã đưa cô đến một khả năng khác thường của mình. Cô có thể nhìn thấy mọi

thứ trong bóng đêm. Mọi người đàn ông khi muốn chiếm đoạt cô trong bóng tối, họ yên tâm vì mình đã che giấu được mọi hành vi quái đản thì ngược lại, Savitri lại nhìn thấu những chỗ còn khiếm khuyết hoặc mất cân bằng của họ. Thế nên tiếng cười cô vang lên là một cách để chống cự hoặc thứ nữa làm tan đi cái dục húng đang dâng lên trong họ. Savitri của hiện tại nhìn thấy được cái “trần trụi của người đời” (8, tr.285) khác với một Savitri của kiếp trước khéo léo trong dục tình, luôn khao khát dục lạc, một người đàn bà trần tục với những sắc dục của đời thường. Đứng trước nhân vật tôi, Savitri giờ đây chỉ thuần túy là một người kể chuyện dân gian nối nhịp cầu giữa Ấn Độ cổ đại và đương đại, không cao sang, kiểu cách chỉ đơn giản là một người đàn bà nhập nhòa, mờ ảo hiện hữu trong đời.

Ranh giới giữa cái ảo và cái thực rất mong manh khi những mong ước của họ lại chính là mong ước chung của mọi người, những ai yêu sự sống, muốn được sống, được cống hiến, muốn là mình không trùng khít với một ai khác sẽ luôn được nhen lên để tô điểm cho màu sắc cuộc đời.

Với việc phản ánh và xây dựng con người “huyền thoại”, tiểu thuyết thời kỳ đổi mới đã khoác lên cho các nhân vật mang những nét lạ và hấp dẫn. Con người không thể là một lát cắt nguyên phiến, ngược lại con người luôn tiềm ẩn những “cái kỳ” bên trong, đòi hỏi người nghệ sĩ khai thác nhiều hơn, sâu hơn cái mảnh tưởng như phi lý để tạo nên tính chất đa nguyên của bản thể con người.

THE MYTHS CHARACTER MEANING IN SOME VIET NAM NOVELS

Nguyen Thi Kim Tien

Unisersity of Social Science of Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *In reality, complexities of human life is always a mysterious dimension to us. However, they can't be well explained by conventional rationalist mind. Human existence is based on the legendary virtual real criteria which was brought into literature by writers. In our opinion, the fact that writers built characters of myths has made two goals reflected in novels. The first is to open up the capacity of acquiring knowledge about mysteries in humans. The second is the desire to integrate into a simple life.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Tạ Duy Anh (2008), *Đi tìm nhân vật*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.

[2]. Tạ Duy Anh (2004), *Lão Khổ, Thiên thần sám hối*, Nxb Hội nhà văn.

- [3]. Nguyễn Đình Chính (2008), *Đêm thánh nhân*, Nxb Văn học.
- [4]. Phạm Thị Hoài, *Thiên sứ*, trên <http://vnthuquan.net>
- [5]. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Mẫu thượng ngàn*, Nxb Phụ nữ.
- [6]. Nguyễn Văn Long, Lê Nhân Thìn (đồng chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục.
- [7]. Hồ Anh Thái (2004), *Trong sương hồng hiện ra*, Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới, Nxb Hội nhà văn.
- [8]. Hồ Anh Thái (2007), *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, Nxb Đà Nẵng.
- [9]. Phạm Ngọc Tiến (2004), *Tàn đen đóm đỏ*, Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới, Nxb Hội nhà văn.
- [10]. Nguyễn Khắc Trường (2006), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội nhà văn.